TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 16-4-2026
V/v "tranh chấp ly hôn
giữa bà Đ và ông T"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Võ Thị Thanh Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bích Phượng

2. Bà Lâm Thị Ngọc Huệ

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Võ Thị Lệ Trinh - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân khu vực 6 - tỉnh Tây Ninh.

Ngày 16 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 6 - tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 128/2025/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2025 về "tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 29/2026/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phan Thị Ngọc Đ, sinh năm: 1979 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã T, tỉnh Tây Ninh

Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm: 1977 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã T, tỉnh Tây Ninh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/9/2025, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Phan Thị Ngọc Đ trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Thanh T chung sống từ năm 2000 và đăng ký kết hôn vào ngày 16/02/2001 tại UBND xã P, huyện C, tỉnh Long An (nay là xã T, tỉnh Tây Ninh). Bà và ông T chung sống hạnh phúc được thời gian đầu sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn về kinh tế và vợ chồng không có tiếng nói chung. Bà và ông T đã sống ly thân từ tháng 02/2025 cho đến nay. Nay xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống với nhau nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Thanh T.

- Về nuôi con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc Q, sinh năm 2002 và Nguyễn Ngọc Quế T1, sinh năm 2006. Các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về chia tài sản: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nhưng tại phiên tòa bà Đ trình bày lại là có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Tòa án tiến hành lập thủ tục thông báo về việc thụ lý vụ án và phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vụ án theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bị đơn ông Nguyễn Thanh T vắng mặt và không cung cấp cho Tòa án bất cứ tài liệu, chứng cứ nào có liên quan đến vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Phan Thị Ngọc Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Thanh T. Ông Nguyễn Thanh T có nơi cư trú tại ấp C, xã T, tỉnh Tây Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 6 – Tây Ninh, được pháp luật quy định tại các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; theo khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

[2] Về sự có mặt của đương sự: bị đơn ông Nguyễn Thanh T đã được Tòa án thông báo và tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia vụ án nhưng đều vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông T.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Về hôn nhân: bà Phan Thị Ngọc Đ và ông Nguyễn Thanh T chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 2001 là hôn nhân hợp pháp. Theo bà Đ nguyên nhân dẫn đến ly hôn là do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn về kinh tế và vợ chồng không có tiếng nói chung nên bà không thể tiếp tục chung sống và yêu cầu được ly hôn với ông T.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông T nhưng ông T không đến Tòa án, chứng tỏ ông T không có thiện chí hàn gắn tình cảm với bà Đ để vợ chồng đoàn tụ, bà Đ cương quyết ly hôn vì không còn tình cảm với ông T và không có khả năng hàn gắn. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Đ và ông T đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc bà Đ yêu cầu được ly hôn với ông T là có căn cứ. Do đó, cần áp dụng Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phan Thị Ngọc Đ.

[3.2] Về nuôi con chung: Theo chứng cứ do bà Đ cung cấp, bà Đ và ông T có 02 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc Q, sinh năm 2002 và Nguyễn Ngọc Quế T1, sinh năm 2006. Các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3.3] Về chia tài sản chung: Do ông T không có văn bản trình bày vấn đề này, bà Đ xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi có đơn yêu cầu.

[3.4] Về nợ chung: Do ông T không có văn bản trình bày vấn đề này, bà Đ xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4.] Về án phí: Bà Phan Thị Ngọc Đ phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

[5.] Về quyền kháng cáo: Bà Phan Thị Ngọc Đ và ông Nguyễn Thanh T được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, 56, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Ngọc Đ về việc "Ly hôn" với ông Nguyễn Thanh T.

1.Về hôn nhân: Bà Phan Thị Ngọc Đ được ly hôn với ông Nguyễn Thanh T.

2.Về nuôi con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc Q, sinh năm 2002 và Nguyễn Ngọc Quế T1, sinh năm 2006. Các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về chia tài sản chung: bà Đ xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí: Bà Phan Thị Ngọc Đ phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà Đ đã nộp theo biên lai thu số 0006072 ngày 07/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh sang án phí.

4.Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Thanh Nhung

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 6;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

Các Hội thẩm nhân dân | Chủ tọa phiên tòa